

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

# PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN ĐA THỨC: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

MULTI-MODAL DISCOURSE ANALYSIS:  
SOME THEORETICAL AND PRACTICAL ISSUES

TÔN NỮ MỸ NHẬT

(PGS.TS; Đại học Quy Nhơn)

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

(ThS; Đại học Quy Nhơn)

## 1. Mở đầu

Nghiên cứu diễn ngôn trong tiếng Việt, trong ba thập kỉ qua, từ công trình đầu tiên về văn bản của Trần Ngọc Thêm (1985), đã có nhiều bước tiến đáng kể. Nếu như những công trình đầu chỉ tập trung vào những mô tả hình thức, thì đến những năm cuối thập niên 90 của thế kỉ trước, diễn ngôn đã được phân tích trong mối quan hệ biện chứng với tác động của ngữ cảnh văn hoá - xã hội và chức năng giao tiếp. Tuy nhiên, đa số các công trình phân tích diễn ngôn trong tiếng Việt vẫn chỉ tập trung vào phần ngôn ngữ và bỏ qua vai trò của các kiểu tín hiệu giao tiếp khác đi kèm.

Mục đích của bài viết này là trình bày về phân tích diễn ngôn đa thức (PTDNDT, Multi-semiotics/Multi-modal discourse analysis). Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung vào thể loại *song thức* (*bi-modal*) bao gồm hình ảnh và ngôn từ. Trước hết chúng tôi sẽ trình bày tóm tắt lí thuyết về phân tích hình ảnh của G. Kress và T. van Leeuwen (1996), sau đó là một số phân tích minh họa ở hai thể loại khác nhau - sách/truyện thiếu nhi, và bản tin chính trị. Cuối cùng là một số tóm tắt về ý nghĩa lí luận và thực tiễn của đường hướng tiếp cận diễn ngôn tương đối mới mẻ này trong bối cảnh phát triển của khoa học, kĩ thuật và công nghệ thông tin ở Việt Nam hiện nay.

## 2. Về phân tích diễn ngôn đa thức - chức năng hệ thống

Tín hiệu học (*Semiotics*) là một khoa học

về các kí hiệu. Tín hiệu học hình ảnh (*Visual semiotics*) là một chuyên ngành mới trong lĩnh vực tín hiệu học, bắt đầu phát triển từ những năm 1990 với những công trình nền tảng của M. O'Toole (1994) và Kress and van Leeuwen (1996). Trong lời mở đầu của cuốn sách "*Reading images: The Grammar of visual design*" (Tạm dịch: "*Đọc hình ảnh: Ngữ pháp thiết kế hình*", xuất bản lần đầu năm 1996 (tái bản năm 2006) các tác giả viết: "Chúng tôi nghiên cứu, phân tích các văn bản bằng ngôn từ, nhưng ngày càng bị thôi thúc bởi nhu cầu cần phải hiểu tất cả những thứ đi kèm theo ngôn ngữ: nét mặt, cử chỉ điệu bộ, hình ảnh, âm nhạc, v.v. Chúng ta phải làm thế không phải chỉ vì chúng ta muốn phân tích một cách toàn diện các văn bản trong đó những loại tín hiệu đi kèm đóng một vai trò quan trọng, mà còn vì có làm như thế thì chúng ta sẽ có thể hiểu biết về ngôn ngữ thấu đáo hơn. Cũng như nếu kiến thức về những ngôn ngữ khác có thể giúp mở mang tầm hiểu biết của chúng ta về chính tiếng mẹ đẻ của mình, thì kiến thức về các kiểu tín hiệu khác có thể giúp mở ra những tầm nhìn mới về ngôn ngữ." (sđd, tr.ix).

Với đề phụ là "ngữ pháp" (Grammar), cuốn sách tập trung vào khía cạnh cú pháp - các quan hệ, kiểu kết hợp các yếu tố, thành phần để tạo nên những đơn vị hoàn chỉnh mang nghĩa: "Cũng như ngữ pháp trong ngôn ngữ mô tả cách thức các từ kết hợp thành cú, câu, rồi văn bản, cho nên "ngữ

pháp” hình của chúng tôi nhằm mô tả cách các thành tố - con người, nơi chốn, và các thứ khác - kết hợp thành các ‘mệnh đề’ bằng hình ảnh [...]” (tr.1). Với Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic functional linguistics), Halliday (1994:101) khẳng định: “Ngữ pháp vượt ra khỏi những giới hạn về những quy tắc hình thức đúng sai. Ngữ pháp là phương tiện thể hiện các kiểu trải nghiệm...Ngữ pháp giúp con người xây dựng một bức tranh tinh thần về hiện thực, hiểu được những gì đang diễn trong thế giới bên ngoài cũng như thế giới nội tâm của chúng ta”. Kress và van Leeuwen (sđd, tr.2) cho rằng ngữ pháp của hình ảnh cũng thế: như cấu trúc ngôn ngữ, những cấu trúc hình ảnh mở ra cho chúng ta thấy thế giới trải nghiệm và cũng là những hình thức tương tác xã hội. Ví dụ, ngôn ngữ cung cấp cho chúng ta nhiều từ ngữ và các cấu trúc ngữ pháp khác nhau để diễn đạt ý nghĩa, còn với giao tiếp bằng hình ảnh thì chúng ta có những lựa chọn về màu sắc, hình thể, với những kiểu sắp xếp khác nhau.

Theo các tác giả, đã có nhiều nghiên cứu về hình ảnh, nhưng những công trình nghiên cứu trước đây chỉ tập trung nghiên cứu những thành phần riêng lẻ, chứ chưa quan tâm đến ý nghĩa kết hợp các thành tố thành những tổ hợp hoàn chỉnh, có nghĩa. Kress and Van Leeuwen (sđd) xác định: “Mục đích của chúng tôi là nhằm cung cấp những mô tả về các cấu trúc thành phần chính đã được định hình như là những quy ước trong lịch sử phát triển của tín hiệu hình ảnh ở phương Tây, và phân tích xem những cấu trúc đó được những người tạo hình ảnh hiện nay sử dụng như thế nào để tạo nghĩa.” (tr. 1).

PTDNĐT của Kress và Van Leeuwen (1996/2006) dựa trên nền tảng lí thuyết chức năng hệ thống (CNHT) của M.A.K. Halliday. Cũng như Ngữ pháp CNHT của M.A.K. Halliday là bộ công cụ để phân tích diễn ngôn, Ngữ pháp thiết kế hình của Kress

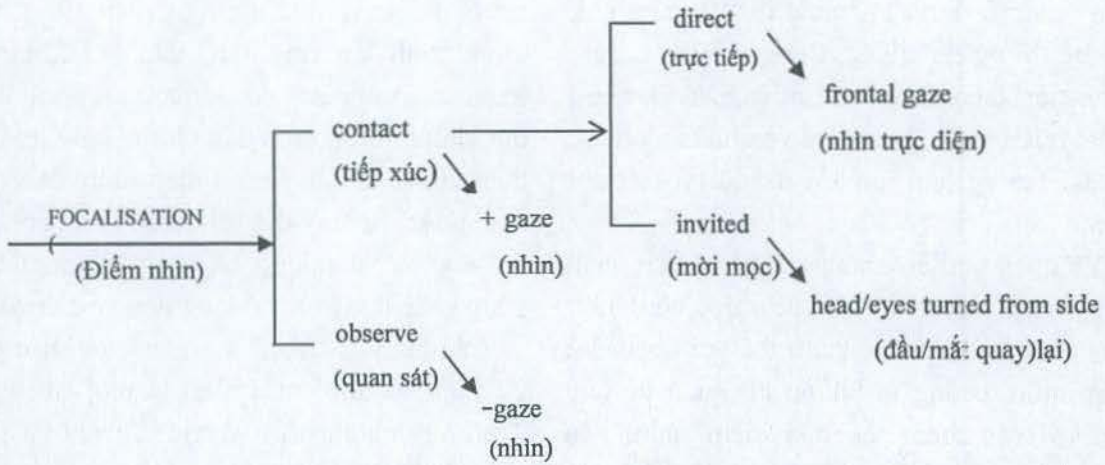
và Van Leeuwen (1996/2006) là bộ công cụ để chúng ta phân tích hình ảnh. Cũng như ngôn ngữ, hình ảnh có thể mô tả các *quá trình*, các *tham thể* tham gia trong các quá trình, các *chu cảnh* trong đó các tham thể và quá trình được biểu hiện. Tuy nhiên, vì 2 hệ tín hiệu khác nhau nên các các hệ thống biểu hiện các siêu chức năng cũng khác nhau (Bảng 1).

**Bảng 1: Khung lí thuyết CNHT với ngôn ngữ và hình ảnh**

(Nguồn: O’Halloran, 2008, tr.449 &451)

		NGÔN TỪ	
		HÌNH ẢNH	
NỘI DUNG	Văn bản-ngữ nghĩa	Văn bản-ngữ nghĩa	
	Các quan hệ trong văn bản (đoạn, bài)	Các quan hệ giữa các bộ phận hình ảnh	
	<b>Từ vựng-ngữ pháp</b>	Công trình	
	Tổ hợp cú (Clause complex)	<b>Ngữ pháp</b>	
	Cú (Clause)	Cảnh (Scene)	
	Cụm từ (Word group)	Đoạn (Episode)	
	Từ (Word)	Hình (Figure)	
	(Các hệ thống dựa vào các siêu chức năng)	Phần (Part)	
		(Các hệ thống dựa vào các siêu chức năng)	
<b>BIỂU ĐẠT</b>	<b>Kiểu in/chữ viết và Ngữ âm</b>	<b>Hình</b>	
	(Các hệ thống giao chức năng)	(Các hệ thống giao chức năng)	

Cuốn sách là những miêu tả chi tiết các hệ thống của các siêu chức năng, với nhiều sự lựa chọn, nhiều mức độ tinh tế. Ví dụ, như với ý nghĩa tương tác, chúng ta phân tích ở các khía cạnh - điểm nhìn (*focalisation*), quyền lực và cảm xúc (*pathos, affect*), không khí, bối cảnh (*ambience*), mức độ (*graduation*); rồi đối với mỗi khía cạnh sẽ có những sự lựa chọn chi tiết khác nữa. Hình 1 cho ta một ví dụ về những sự lựa chọn và mức độ tinh tế ở khía cạnh điểm nhìn.



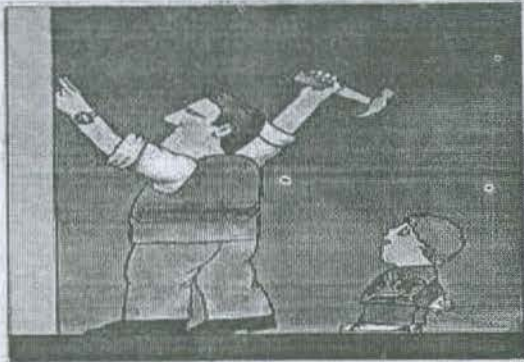
H.1: Những sự lựa chọn và mức độ tinh tế của *điểm nhìn* (Nguồn: Painter *et al.*, 2013, tr. 21)

**3. Một số phân tích DNĐD-CNHT minh họa**

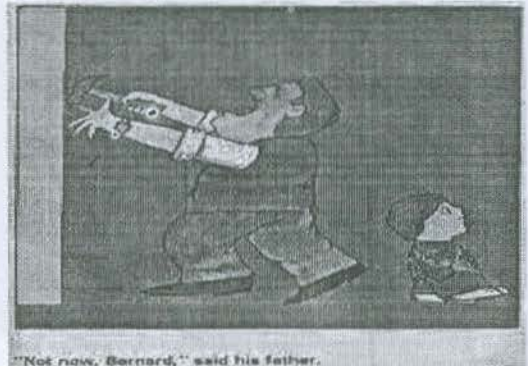
***Truyện tranh thiếu nhi***

Truyện tranh thiếu nhi có vai trò nền tảng, là một trong những công cụ giúp phát triển triển các kĩ năng, giá trị xã hội, nhân cách cho trẻ. Truyện thiếu nhi còn là cửa ngõ để trẻ bước vào thế giới văn chương,

chữ nghĩa (Painter, C. et al.2013, tr. 1). Đối với trẻ em, sách truyện tranh là những trải nghiệm đọc đầu tiên. Phần tranh/hình gần gũi hơn phần chữ vì trẻ em dễ dàng nhận diện được hình ảnh quen thuộc qua tiếp xúc với thế giới tự nhiên hằng ngày. Vậy, sách, truyện trẻ em được thiết kế như thế nào để hoàn thành được các chức năng đó?



H.2



H.3

H.2 và H.3 là 2 hình liền kề trong truyện tranh thiếu nhi “Not Now, Bernard” của David McKee (1980). Sau đây là một số phân tích của Painter, C. et al. 2013 (chi tiết xin xem sdd, tr. 74, 137-148): bao gồm quá trình hành động của ông bố, quá trình nhận thức (nhìn) và quá trình phát ngôn của

Bernard và của bố; Chu cảnh không có gì nổi bật - chỉ có sàn nhà và những bức tường. Có mối quan hệ logic về thời gian và quan hệ nguyên nhân - kết quả giữa hai hình: vì Bernard nói, nên người bố bị mất tập trung và đập búa vào tay thay vì đánh vào đinh; thêm vào đó có sự tương phản về quá trình

phát ngôn: ở tranh thứ nhất thì Bernard nói, còn bố thì ngậm miệng, trong khi bước sang tranh tiếp theo thì bố há miệng và Bernard ngậm miệng. Các tham thể và chu cảnh được lặp lại tạo sự gần gũi tối đa đối với người xem.

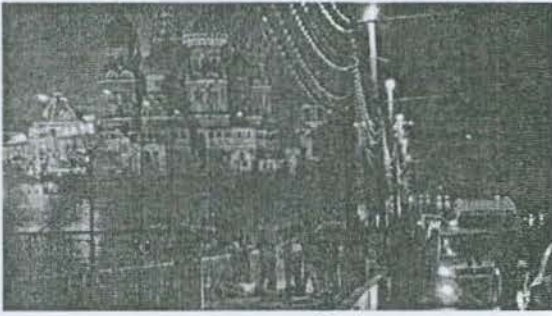
Về quan hệ liên nhân, cần phân tích quan hệ giữa các tham thể và người đọc cũng như giữa quan hệ giữa các tham thể với nhau. Về điểm nhìn, chúng ta không có quan hệ tiếp xúc với các tham thể qua điểm nhìn, nên người đọc chỉ đứng ngoài câu chuyện, chỉ đóng vai trò quan sát. Người xem cũng ở vị thế trung tính về quyền lực, vì chúng ta không đứng ở một góc nhìn từ trên xuống hay từ dưới lên đối với cảnh trong hình. Tuy nhiên, quan hệ giữa các tham thể trong tranh, các khía cạnh quyền lực, mức độ gần gũi, và hướng đều đóng vai trò quan trọng. Nếu trong hình đầu, Bernard nhìn lên bố mình - thể hiện sự thấp hơn về quyền lực, thì trong tranh thứ hai không có cái nhìn như thế nữa - thể hiện quan hệ ngang bằng. Tuy các tham thể ở khoảng cách gần nhau, nhưng hình ảnh Bernard chấp tay sau lưng, không có sự đụng chạm nào giữa hai tham thể, làm tăng khoảng cách cá nhân giữa họ. Sự lựa chọn về hướng nhìn cũng góp phần làm gia tăng khoảng cách giữa hai bố con: trong hình đầu, người bố chỉ dán mắt vào cái đinh trên tường để cho Bernard chỉ đối diện với cái lưng của bố, còn trong hình tiếp theo thì 2 tham thể quay lưng lại với nhau, càng làm tăng khoảng cách giữa hai cá nhân. Về cảm xúc, việc sử dụng các màu sáng, nóng tạo một không khí sống động, thân thiện, gây hứng thú, quan tâm ở người đọc. Cảm xúc của các tham thể cũng được thể hiện hiệu quả qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ. Chúng ta có thể để ý nét mặt của

người bố thay đổi từ trạng thái trung tính trong tranh đầu sang trạng thái đau đớn trong tranh sau, trong khi đó Bernard thì trông thiếu dứt khoát trong tranh đầu nhưng lại tỏ ra bình thản trong tranh sau - mắt nhìn cao, đầu ngẩng lên, hai tay dứt túi quần. Hình ảnh bàn tay xòe ra và miệng há rộng của người bố cũng khắc họa mức độ tăng tiến về cảm xúc.

Câu chuyện "*Not Now, Bernard*" bao gồm 24 hình và dưới mỗi hình là một câu ngắn. Trên đây chúng tôi chỉ tóm tắt những phân tích của C. Painter và các cộng sự đối với hai tranh đầu tiên. Các nhà phân tích cũng còn chỉ ra rằng trong truyện tranh này, phần hình chiếm tỉ lệ lớn hơn nhiều so với phần chữ - không chỉ ở diện tích trình bày mà còn ở nội dung nghĩa; ví dụ, "*Not now, Bernard*" lặp đi lặp lại đến 6 lần trên tổng số 24 phát ngôn. Với đối tượng độc giả là trẻ nhỏ, chưa thông thạo đọc chữ, thì việc thiết kế tranh ảnh minh họa và bố cục các bộ phận hữu cơ chi li đến từng chi tiết như thế là vô cùng cần thiết.

#### ***Bản tin chính trị***

Cũng như đối với các thể loại quảng cáo, truyện tranh, hay sách giáo khoa, vai trò của hình ảnh trong thể loại báo chí cũng rất hiển nhiên. Hình ảnh đi kèm là những minh chứng cụ thể cho phần nội dung, làm gia tăng tính thuyết phục và độ tin cậy của các bản tin. Đặc biệt, trong các bản tin chính trị, hình ảnh còn là phương tiện truyền đi những ý nghĩa hàm ẩn mà trong nhiều trường hợp người làm báo không được trình bày hiển ngôn. Chúng ta có thể đưa ra một số ví dụ minh họa từ vụ ám sát cựu phó thủ tướng Nga Boris Nemtsov cuối tháng 2 năm 2015. H.8 và H.9 là các hình ảnh được đăng tải trên CNN bên cạnh những bài viết về vụ ám sát.



H.4

Trong H.4, thi thể của Nemtsov nằm trên cầu Bolshoi Moskvoretsky, đứng chung quanh là những nhân viên an ninh và xe cảnh sát; H.5 có di ảnh của Boris Nemtsov bên góc trái và cận cảnh là rất nhiều hoa tưởng niệm ông. Nhưng điểm chung ở cả 2 bức ảnh - đầu là bức ảnh mới nhất khi vụ ám sát chỉ vừa mới xảy ra hay một vài ngày sau trong sự tiếc thương của người dân Nga, thì bối cảnh nền đằng sau, chiếm vị trí trung tâm và diện tích rất lớn, là điện Kremlin. Một thông điệp được tiềm ẩn là Nhà cầm quyền Nga, mà đứng đầu là tổng thống Putin, chịu trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp đằng sau vụ ám sát nhân vật chống đối chính quyền Nga hàng đầu này.

#### 4. Ý nghĩa của PTĐNĐT

##### *Ý nghĩa thực tiễn*

Ở nước ta, trong thời gian gần đây, có một số sách đã gây bức xúc và bị thu hồi cũng chỉ vì thiếu quan tâm đến vai trò của hình ảnh minh họa. Ví dụ: trong cuốn “Bé làm quen với chữ cái” có minh họa bằng hình vẽ cờ Trung Quốc; trang phục trong hình ảnh quân lính Mã Viện trong sách “Trung nữ vương khởi nghĩa Mê Linh”; trong cuốn “Những vị tướng lừng danh trong lịch sử dân tộc”, các vị tướng Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Quang Trung - Nguyễn Huệ được minh họa bằng những hình ảnh của truyện tranh giả tưởng, mang dáng dấp nhân vật game online và hình minh họa nào cũng hao hao các nhân vật trong phim chương Hồng Kông, v.v.



H.5

Như chưa bao giờ có trước đây, ngày nay chúng ta đang sống trong một thế giới tràn ngập tranh ảnh. Trong bối cảnh khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin phát triển thần tốc, chúng ta đang đối mặt với một khủng hoảng mà hình ảnh đang thống lĩnh. Nhân mạnh vai trò của hình ảnh không có nghĩa rằng vai trò của chữ viết ngày càng ít quan trọng hơn. Nhưng thực tế cho thấy, ngày nay, các diễn ngôn có sức mạnh, ý nghĩa, hiệu quả nhất là cần có kết hợp giữa chữ và hình (Lester, 2000, tr. x). Vì vậy, trên thế giới, việc giáo dục kiến thức để có thể thiết kế cũng như đọc hình ảnh đang ngày được quan tâm. “Visual literacy” đã trở thành một trong những mục tiêu giáo dục ở các nước phương Tây, ngay từ cấp học đầu tiên (Bateman, 2014; Painter, C. et al., 2013...); cũng có Hiệp hội Giáo dục hình ảnh Quốc tế (International Visual Literacy Association) và tạp chí Visual literacy. Những phân tích minh họa được trình bày trên đây đã là những minh chứng về sự quan tâm, đầu tư ở lĩnh vực này.

Và chúng ta cũng nên nhớ, như Kress và van Leeuwen đã chỉ ra một cách xác đáng, “ngày nay, ngôn ngữ hình ảnh thống trị đang nằm trong tay những vương quốc truyền thông đại chúng, đó cũng chính là những vương quốc về văn hóa/kỹ thuật toàn cầu, phổ biến những hình mẫu là sản phẩm của những nhà thiết kế hàng đầu, và thông qua những ngân hàng hình ảnh, kỹ thuật đồ họa máy tính, đã dẫn đến một tầm ảnh hưởng

'bình thường hóa', chứ không chỉ là 'bình thường' đối với thực tế giao tiếp bằng hình ảnh ở khắp mọi nơi trong thế giới." (sđd, tr.5).

L. Unsworth và N. T. B. Thu (2014) cũng đề cập đến vai trò của việc hiểu nghĩa và hiểu mối quan hệ hỗ tương giữa tín hiệu hình và tín hiệu ngôn ngữ trong thực tế dạy-học tiếng Anh. Vì 'visual literacy' được đặc biệt quan tâm ở các quốc gia mà tiếng Anh là ngôn ngữ chính, nên các sản phẩm và công cụ giáo dục nói chung, giáo dục ngôn ngữ nói riêng, của họ, cũng được thiết kế trên cơ sở nghiên cứu và vận dụng thấu đáo kiến thức về vai trò tạo nghĩa của hình ảnh, mối quan hệ, tương tác giữa 2 kênh hình và ngôn ngữ. Vì thế, đây là một vấn đề cần được quan tâm, các nước dạy-học tiếng Anh như một ngoại ngữ không thể đứng ngoài cuộc.

### Ý nghĩa lí luận

Thực tế giao tiếp hiện đại khẳng định rằng trong phân tích diễn ngôn nếu chỉ quan tâm đến phần ngôn ngữ là chưa đủ, và PTDNĐT-CNHT là một hướng đi tiềm năng. Công trình của Kress và van Leeuwen đã mở đường ('pave the way', tr.3) cho nhiều hướng phát triển về diễn ngôn đa thức; những mô tả vẫn còn đang được tiếp tục, cần quan tâm nghiên cứu nhiều hơn nữa (Painter, C. et al., tr.3; Kress và van Leeuwen (2006, tr.vii), để có thể có nhiều đóng góp hơn cho nhiều lĩnh vực khác nhau, thể loại khác nhau. PTDNDD-CNHT cung cấp chiếc cầu liên môn ("transdisciplinary bridge") giữa các lĩnh vực nghiên cứu được cho là riêng biệt trước đây (O'Halloran, 2008).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bateman, J. A., (2014), *Text and image: a critical introduction to the visual/verbal divide*, New York: Routledge.
2. Economou, D (2009), *Photos in the news: appraisal analysis of visual semiosis*

*and verbal-visual intersemiosis*. PhD thesis, University of Sydney.

3. Halliday M. A. K. (1994), *An introduction to functional grammar*, Arnold.
4. Kress, G. and van Leeuwen, T (1996), *Reading images - The grammar of visual design*. New York: Routledge.
5. Lester, P. M (2000), *Visual communication: images with messages*. Second edition. Wadsworth.
6. McCloud, S (1994), *Understanding comics*. New York: HarperCollins .
7. O'Halloran, K. L.(2008), *Systemic functional-multimodal discourse analysis (SF-MDA): Constructing ideational meaning using language and visual imagery*. *Visual Communication* 7(4), pp. 443-475, New York: Sage Publications.
8. O'Toole, M (1994), *The language of displaced art*. Leicester: Leicester University Press.
9. Painter, C. et al. (2013), *Reading visual narratives - Image analysis of children's picture books*, Equinox Publishing Ltd.
10. Unsworth, L. và Ngô Thị Bích Thu (2015), *Vai trò của hình ảnh trong sách giáo khoa dạy tiếng Anh ở Việt Nam*. T/c Ngôn ngữ & đời sống, số 1 (231), trang 93-99.

**Abstract:** In this era of increasing multi-media, language is undeniably no longer the only mode of expression in various types of discourse, thus giving rise to the development of multi-modal discourse analysis, a relatively new area of exploration as one of the extensions of the traditional discourse/text analysis. This paper is aimed to present a bird-eye view of this discipline. Two illustrative analyses are also given. The paper concludes with the theoretical and practical significance of this direction of discourse exploration.

**Key words:** multi-modal discourse analysis; functional grammar; discourse analysis.